TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG Số: **41**/2018/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *An Minh, ngày 12 tháng 9 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ
2. Bà Hồ Thị Hoa

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 188/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

+ Ông Huỳnh Văn D-NĐ1, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp TPT, xã ĐH, huyện An Minh, Kiên Giang; có mặt;

+ Bà Huỳnh Bích P-NĐ2, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp PL, xã VKĐ, huyện An Minh, Kiên Giang; có mặt;

+ Bà Huỳnh Thị Ngọc M-NĐ3, sinh năm 1976. Địa chỉ: KP3, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang; có mặt;

+ Bà Huỳnh Ngọc M-NĐ4 (tên gọi khác: C-NĐ4), sinh năm 1977. Địa chỉ: 661/9 NTT, phường AH, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang; có mặt;

Bị đơn: ông Huỳnh Văn H_BĐ, sinh năm 1963 và bà Trần Thị V_BĐ, sinh năm 1962. Địa chỉ: KP3, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang (bà V_BĐ

ủy quyền cho ông H_BĐ); có mặt;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trần Quang A_LS, Văn phòng Luật sư QA, Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang; có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Huỳnh Văn B_NLQ1, sinh năm 1967. Địa chỉ liên lạc: ấp PT, xã HH, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; vắng mặt;

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ L_NLQ2, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp SL, xã DT, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt;

+ Ông Huỳnh Văn D_NLQ3, sinh năm 1980. Địa chỉ: KP3, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang; vắng mặt;

+ Các con ông Huỳnh Văn T (đã chết) gồm: Phạm Văn Đ_NLQ4 (Huỳnh Văn Đ_NLQ4), sinh năm 1994; Phạm Thị Tuyết P_NLQ5 (Huỳnh Bé P_NLQ5), sinh năm 1993; Phạm Văn D_NLQ6 (Huỳnh Văn D_NLQ6), sinh năm 1992. Đều cư trú: ấp SL, xã DT, huyện Phú Quốc, Kiên Giang; vắng mặt;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các nguyên đơn thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu phía bị đơn để lại một lối đi chung và khu nền mộ; phía bị đơn đồng ý.

Các bên tự nguyện đi đến thỏa thuận: Thống nhất phần đất có diện tích 247,182m^2 (bao gồm cả phần đất hành lang an toàn giao thông, gồm phần lối đi chung 2m x dài 93m và phần đất mồ mã ngang 11,33m x dài 5,4m) thuộc quyền sử dụng chung của các ông, bà : Huỳnh Văn H_BĐ, Huỳnh Văn D-NĐ1, Huỳnh Bích P-NĐ2, Huỳnh Thị Ngọc M-NĐ3, Huỳnh Ngọc M-NĐ4 (C-NĐ4). Đất tọa lạc KP3, thị trấn T11, huyện An Minh, Kiên Giang và có vị trí: hướng Đông Bắc giáp đất Lê Văn H và Huỳnh Văn D_NLQ3, cạnh dài 93m (đo từ mốc giải tỏa đường Hành lang ven biển phía Nam đến mé nước Kênh ĐN); hướng Đông Nam phần lối đi giáp Kênh ĐN cạnh dài 2m, phần đất mồ mã giáp đất ông H_BĐ cạnh dài 11,33m; hướng Tây Nam đều giáp đất ông H_BĐ gồm 3 đoạn: đoạn từ Kênh Đầu Ngàn đo đến khu nền mộ dài 29,7m, đoạn khu nền mộ dài 5,4m, đoạn từ mé nền mộ đến mốc giải tỏa đường Hành Lang ven biển phía Nam dài 59,7m; hướng Tây Bắc phần lối đi giáp Đường Hành lang ven biển phía Nam (tại mốc giải tỏa) cạnh dài 2m, phần đất mồ mã giáp đất ông H_BĐ cạnh dài 11,33m.

Các bên thống nhất cho ông H_BĐ được lưu cư căn nhà trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày 12-9-2018. Hết thời hạn lưu cư ông H_BĐ và gia đình có trách nhiệm di dời căn nhà và tài sản giao trả phần đất cho các sở hữu chung.

(Sơ đồ, vị trí phần đất thể hiện tại Biên bản xem xét thẩm định tại chổ ngày 30-01-2018 và Tờ trích đo địa chính ngày 07-4-2018).

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền kê khai, đăng ký lại QSD đất theo quy định.

Về án phí: Các bên phải chịu án phí đối với phần tài sản được hưởng là 247,182m^2 đất x 28.000đ/m^2 x 5% = 346.000đ, các ông H_BĐ, D-NĐ1, P-NĐ2, M-NĐ3, M-NĐ4 (C-NĐ4) mỗi người phải chịu là 69.200đ. Các đồng nguyên đơn được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh, các đương sự được nhận lại như sau:

+ Ông Huỳnh Văn D-NĐ1 được khấu trừ vào số tiền 616.000đ nộp tại biên lai thu số 0008485 ngày 06-11-2017 nên còn được nhận lại số tiền là 546.800đ.

+ Bà Huỳnh Bích P-NĐ2 được khấu trừ vào số tiền 616.000đ nộp tại biên lai thu số 0008488 ngày 06-11-2017 nên còn được nhận lại số tiền là 546.800đ.

+ Bà Huỳnh Thị Ngọc M-NĐ3 được khấu trừ vào số tiền 616.000đ nộp tại biên lai thu số 0008487 ngày 06-11-2017 nên còn được nhận lại số tiền là 546.800đ.

+ Bà Huỳnh Ngọc M-NĐ4 (C-NĐ4) được khấu trừ vào số tiền 616.000đ nộp tại biên lai thu số 0008486 ngày 06-11-2017 nên còn được nhận lại số tiền là 546.800đ.

Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng gồm chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.056.000đ, chi phí thẩm định giá 9.421.000đ, chi phí cung cấp hồ sơ địa chính 250.000đ, tổng cộng là 12.727.000đ, các nguyên đơn ông D-NĐ1, bà P-NĐ2, bà Ngọc M-NĐ3, bà M-NĐ4 (C-NĐ4) cùng chịu và đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công